TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 23/5/2019
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Minh Vương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Thanh
2. Ông Nguyễn Kha

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bích Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23/5/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2019 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Công Q
Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ
2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Tuyết B
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N

Nguyên đơn anh Huỳnh Công Q có mặt tại phiên tòa, bị đơn chị Bùi Thị Tuyết B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019, các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Mộ Đức và tại phiên toà nguyên đơn anh anh Huỳnh Công Q trình bày*: Anh và chị Bùi Thị Tuyết B tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 18/3/2004. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã Đ và có với nhau một con chung, sau khi sinh con thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sống

không hạnh phúc. Đến năm 2014 thì anh làm ăn và nhập khẩu tại thôn 1, xã Liêng SRônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng và vợ chồng không còn chung sống, ly thân mãi đến nay phần ai người đó sống, không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó, nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Tuyết B.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung tên Huỳnh Thị Cẩm Q, sinh ngày 12/12/2003. Hiện nay cháu Q đang ở với chị B. Khi ly hôn anh giao cháu Quỳnh cho chị Ba nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/4/2019 bị đơn chị Bùi Thị Tuyết B trình bày:* Chị và anh Q tìm hiểu nhau và tự nguyện ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N vào ngày 18/13/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại quê hương xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khi sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt. Năm 2008 thì vợ chồng ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai, hiện nay tình cảm vợ chồng đã hết, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung tên Huỳnh Thị Cẩm Q, sinh ngày 12/12/2003. Hiện nay cháu Q đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Q và đồng ý anh B cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng.

Về tài sản chung và những khoản nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Cho Anh Huỳnh Công Q được ly hôn chị Bùi Thị Tuyết B.

Giao con chung tên Huỳnh Thị Cẩm Q cho chị Ba nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Ngày 09/4/2019 chị Bùi Thị

Tuyết có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Huỳnh Công Q yêu cầu ly hôn chị Bùi Thị Tuyết B.

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn vào ngày 18/13/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, sau khi sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt nên vợ chồng ly thân nhau từ năm 2008 phần ai nấy sống không ai quan tâm gì đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn đồng ý là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung*:* Nguyên đơn và bị đơn thống nhất vợ chồng có một con chung tên Huỳnh Thị Cẩm Q, sinh ngày 12/12/2003 và hiện nay cháu Q đang ở với bị đơn. Nguyên đơn giao cháu Q cho bị đơn nuôi dưỡng, bị đơn đồng ý. Xét thấy cháu Q hiện nay chưa thành niên, đang ở với mẹ. Để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của cháu Q, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Quỳnh cho bị đơn tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đúng với quy định của luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con đối với cháu Q mỗi tháng là 700.000 đồng. Bị đơn đồng ý với mức cấp dưỡng của nguyên đơn. Xét thấy nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận việc cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp vơi quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho anh Huỳnh Công Q ly hôn chị Bùi Thị Tuyết B.

2. Giao con chung tên Huỳnh Thị Cẩm Q, sinh ngày 12/12/2003 cho chị Bùi Thị Tuyết B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Huỳnh Công Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng từ ngày 23/5/2019. Anh Qu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Công Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003821, ngày 15 tháng 2 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Q còn phải tiếp tục chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương